

Bản án số: **994/2023/HS-PT**

Ngày: 29-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Cảnh**

Các thẩm phán: Ông **Trần Nam Hà**

Ông **Nguyễn Thanh Nhã**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quyền**

- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HN xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 788/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Đoàn Văn B và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2023/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện PT, HN.

*** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:**

1. ĐOÀN VĂN B, sinh năm 1976 tại HN; ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn BL 5, xã VX, huyện PT, TP HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị V; có vợ Nguyễn Thị S và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, vắng mặt.

2. ĐOÀN VĂN Y, sinh năm 1997 tại HN; ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn BL 5, xã VX, huyện PT, HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ

văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn B và bà Nguyễn Thị S; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, vắng mặt.

3. NGUYỄN VĂN Đ, sinh năm 1979 tại HN; ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn BL 5, xã VX, huyện PT, HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N; có vợ Đoàn Thị M và 06 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, vắng mặt.

*** Bị hại có kháng cáo:**

1. Ông **NGUYỄN VĂN Đ**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn BL 5, xã VX, huyện PT, TP HN, vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn BL 5, xã VX, huyện PT, TP HN, vắng mặt.

*** Bị hại không có kháng cáo:**

1. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn BL 5, xã VX, huyện PT, TP HN, vắng mặt.

2. Anh **Đoàn Văn C**, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn BL 5, xã VX, huyện PT, TP HN, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h00' ngày 23/01/2020 (tức 29 Tết), Đoàn Văn B dọn vệ sinh, cọ rửa đường bê tông trước cổng nhà mình, làm nước bắn chảy qua khu vực trước cổng nhà ông Nguyễn Văn T ở cùng ngõ xóm, dẫn đến hai bên lời qua tiếng lại. Lúc đó, Nguyễn Văn Đ (nhà ở cùng xóm, là cháu ông T) có mặt ở đó, nói “*ông chấp gì bọn trẻ con*”. Thấy vậy, B quay sang cãi nhau với Đ, dùng tay đẩy vào người Đ, thì Đ nhặt gạch ném vào ngực B. Đúng lúc đó, anh Đoàn Văn C (là con trai B) đi chơi về đến cổng, thấy bố và Đ đang cãi nhau, giằng co nhau nên chạy đến can ngăn. Bà Nguyễn Thị S (vợ B) chạy đến can ngăn, ôm C kéo về nhà, thì ngay lúc đó, Đ cầm gạch đập một cái trúng vùng mặt C và ném một cái trúng cánh tay phải bà S.

Thấy vậy, B lấy xe máy đi đến vườn nhà mình ở cách đó khoảng 500m, lấy một đoạn tuýp sắt để đánh nhau.

Cùng thời gian này, Đoàn Văn Y (là con trai B) đang đi chơi, nghe được thông tin bố mình và Đ cãi nhau, đánh nhau nên đi xe máy về nhà, mang theo một đoạn tuýp sắt để đánh nhau. Ông Nguyễn Văn T (tức B - là bố đẻ Đ) và anh Nguyễn Văn T (em trai Đ) nghe tin Đ cãi nhau, xô xát, đánh nhau nên đến nhà Đ xem sự việc như thế nào.

Khi ông T và Đ đang đứng trước cổng nhà Đ nói chuyện về sự việc vừa xảy ra, thì B và Y mỗi người đi một xe máy về, rồi cả hai xuống xe máy chạy bộ đến cổng nhà Đ. Bình dùng tuýp sắt vụt ông T, còn Y cầm tuýp sắt đuổi, đánh Đ trong sân nhà Đ.

Hậu quả: Ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Đoàn Văn B, bà Nguyễn Thị S và anh Đoàn Văn C đều bị thương tích, được người nhà đưa đến cơ sở y tế điều trị.

Tại các Bản kết luận giám định pháp y thương tích của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an, kết luận:

1. Ông Nguyễn Văn T bị thương tích, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định: 07% (Bảy phần trăm), gồm:

+ 02 vết sẹo phần mềm tại vùng thái dương đỉnh trái, mỗi sẹo tỷ lệ 01%;

+ 01 vết sẹo phần mềm tại bả vai trái, không ảnh hưởng chức năng, tỷ lệ 01%;

+ 01 vết sẹo phần mềm tại mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải, không ảnh hưởng chức năng, tỷ lệ 01%;

+ 02 vết biến đổi rối loạn sắc tố da tại vùng lưng trái tỷ lệ 1%;

+ Gãy cung sau xương sườn số 9 bên trái, không di lệch, không ảnh hưởng chức năng, tỷ lệ 02%;

* Cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích của ông Nguyễn Văn T do vật tày gây nên.

2. Anh Đoàn Văn C bị thương tích, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định: 04% (Bốn phần trăm), gồm:

+ Vết biến đổi sắc tố da tại vùng trán trái = 0,5%;

+ Vết biến đổi sắc tố da tại sống mũi (lệch phải) = 0,5%;

+ Sẹo nông tại chóp mũi và cánh mũi trái = 3%;

* Cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích của anh Đoàn Văn C do vật tày gây nên.

3. Bà Nguyễn Thị S bị thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định: Sẹo tại mặt sau 1/3 dưới cánh tay phải, không ảnh hưởng chức năng = 01%;

* Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của bà Nguyễn Thị S do vật tày gây nên.

4. Ông Nguyễn Văn Đ bị thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định: Sẹo phần mềm vùng thái dương đỉnh trái, không ảnh hưởng chức năng = 01%;

* Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của ông Nguyễn Văn Đ do vật tày gây nên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2023/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện PT đã quyết định:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai bốn) tháng kể từ ngày 08/8/2023.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Đoàn Văn B 12 (mười hai) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai bốn) tháng kể từ ngày 08/8/2023.

+ Đoàn Văn Y 09 (chín) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày 08/8/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 590 của Bộ luật dân sự;

+ Buộc Đoàn Văn B phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền 17.150.000đồng (mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Buộc Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị S số tiền 1.721.000đồng (một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Buộc Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho anh Đoàn Văn C số tiền 10.219.000đồng (mười triệu hai trăm mười chín nghìn đồng).

+ Buộc Đoàn Văn Y phải bồi thường cho Nguyễn Văn Đ số tiền 2.610.000đồng (hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

- Ngoài ra bản án còn tuyên về lỗi xuất chậm trả, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/8/2023 Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ; tăng hình phạt cho bị cáo Đoàn Văn B, Đoàn Văn Y, không cho hưởng án treo và tăng mức bồi thường cho bị hại Đ.

Ngày 23/8/2023 bị hại Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt cho bị cáo Đoàn Văn B, Đoàn Văn Y, không cho hưởng án treo và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đoàn Văn B, Đoàn Văn Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị hại Nguyễn Văn T có kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do vậy căn cứ vào Điều 351 Bộ luật tố tụng Hình sự thì Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các bị cáo và bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xem xét kháng cáo của bị cáo, bị hại đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị hại Nguyễn Văn T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt và mức bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị hại Nguyễn Văn T đúng về mặt chủ thể kháng cáo và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với

lời khai của bị hại, những người làm chứng, các bản kết luận giám định, tang vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16h00' ngày 23/01/2020 tại khu vực trước cổng nhà Đoàn Văn B thuộc Thôn BL 5, xã VX, huyện PT, TP HN, Bình đã cãi nhau với Nguyễn Văn Đ và dùng tay đẩy vào người Đ, lúc này Đ nhặt gạch ném vào ngực B. Đúng lúc đó, anh Đoàn Văn C (là con trai B) đi chơi về đến cổng, thấy vậy chạy đến can ngăn. Bà Nguyễn Thị S (vợ B) chạy đến can ngăn, ôm C kéo về nhà, thì bị Đ cầm gạch đập một cái trúng vùng mặt C và ném một cái trúng cánh tay phải bà S. Thấy vậy, B lấy xe máy đi đến vườn nhà mình cách đó khoảng 500m, lấy một đoạn tuýp sắt để đánh nhau. Đoàn Văn Y (là con trai B) đang đi chơi, nghe tin bố và Đ đánh nhau nên mang theo một đoạn tuýp sắt đi xe máy về nhà. Cùng thời gian đó, ông Nguyễn Văn T (là bố đẻ Đ) và anh Nguyễn Văn T (là em trai Đ) đến nhà Đ xem sự việc thế nào. Khi ông T và Đ đang đứng trước cổng nhà Đ thì B và Y mỗi người đi một xe máy về, rồi cả hai xuống xe máy chạy bộ đến cổng nhà Đ. B dùng tuýp sắt vụt ông T, còn Y cầm tuýp sắt đuổi, đánh 1 phát trúng vào thái dương Đ. **Hậu quả:** Ông Nguyễn Văn T bị tổn thương cơ thể 07%; anh Đoàn Văn C bị tổn thương cơ thể 04%; bà Nguyễn Thị S bị tổn thương cơ thể 01% và Nguyễn Văn Đ bị tổn thương cơ thể 01%. Hành vi nêu trên của bị cáo Đoàn Văn B, Đoàn Văn Y, Nguyễn Văn Đ đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T đề nghị tăng hình phạt, không cho hưởng án treo đối với bị cáo Đoàn Văn B, Đoàn Văn Y thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án; xem xét các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; có nơi cư trú rõ ràng; bố của bị cáo Đoàn Văn B và là ông của bị cáo Đoàn Văn Y là người có công với cách mạng và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt 12 tháng tù, nhưng cho

hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng đối với bị cáo Đoàn Văn B, Nguyễn Văn Đ và mức hình phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng đối với bị cáo Đoàn Văn Y cùng về tội “*Cố ý gây thương tích*” là hoàn toàn có căn cứ. Cấp sơ thẩm không bắt bị cáo Đoàn Văn B, Đoàn Văn Y phải cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội là phù hợp và cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị hại ông Nguyễn Văn T kháng cáo song không đưa ra được căn cứ nào mới, do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm.

[4] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị hại ông Nguyễn Văn T về phần trách nhiệm dân sự thì Hội đồng xét xử nhận thấy tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tỉ lệ thương tích, các chi phí hợp lý, thực tế như: tiền viện phí, tiền mất thu nhập, tiền thuê xe, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tổn thất tinh thần và căn cứ vào các quy định của pháp luật về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đã tính các khoản bồi thường là có căn cứ pháp luật, gồm:

- Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị S: Tiền viện phí 721.000 đồng; tiền mất thu nhập 1.000.000 đồng, tổng cộng 1.721.000 đồng.

- Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho anh Đoàn Văn C: Tiền viện phí 769.000 đồng; tiền mất thu nhập 2.450.000 đồng; tiền thuê xe ô tô đi giám định (2 chiều anh Chung và bà Sâm đi cùng 1 xe) là 2.000.000 đồng; tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 2.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 3.000.000 đồng, tổng cộng 10.219.000 đồng.

- Đoàn Văn B phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Trung: Tiền viện phí 1.400.000 đồng; tiền mất thu nhập của người chăm sóc ông Trung nằm viện và sau ra viện 1.750.000 đồng; tiền mất thu nhập của ông Trung nằm viện và sau ra viện 3.000.000 đồng; tiền thuê xe ô tô đi bệnh viện (2 chiều) 1.000.000 đồng; tiền thuê xe ô tô đi giám định (2 chiều ông Trung và Đề đi cùng 1 xe) 2.000.000 đồng; tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 5.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 3.000.000 đồng, tổng cộng 17.150.000 đồng.

- Đoàn Văn Y phải bồi thường cho Nguyễn Văn Đ: Tiền viện phí 860.000 đồng; tiền mất thu nhập của Đ 1.750.000 đồng, tổng cộng 2.610.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị hại ông Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường thiệt hại song không đưa ra căn cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[6] Bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo về phần hình phạt không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị hại ông Nguyễn Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

*** Hình phạt:**

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo **Đoàn Văn B 12** (*Mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **24** (*Hai mươi tư*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

+ Bị cáo **Đoàn Văn Y 09** (*Chín*) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **18** (*Mười tám*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ 12** (*Mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **24** (*Hai mươi tư*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Giao bị cáo Đoàn Văn B, Đoàn Văn Y, Nguyễn Văn Đ cho UBND xã VX, huyện PT, TP HN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Trách nhiệm dân sự:** Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự,

- Buộc bị cáo **Đoàn Văn B** phải bồi thường cho ông **Nguyễn Văn T** số tiền **17.150.000 đồng** (*Mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phải bồi thường cho bà **Nguyễn Thị S** số tiền **1.721.000 đồng** (*Một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phải bồi thường cho anh **Đoàn Văn C** số tiền **10.219.000 đồng** (*Mười triệu hai trăm mười chín nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo **Đoàn Văn Y** phải bồi thường cho **Nguyễn Văn Đ** số tiền **2.610.000 đồng** (*Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP HN;
- Tòa án nhân dân huyện PT;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện PT;
- Công an huyện PT;
- Chi cục T.H.A DS huyện PT;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Cảnh